

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **257/2022/HS-PT**

Ngày: 03 – 11 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hữu

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân

Ông Vũ Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 247/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Xuân T cùng 06 bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST, ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Xuân T; Sinh năm 1963; tại: tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn 4, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn U (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến ngày 27/01/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Tổng Đình L; Sinh năm 1983; tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn Q 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tổng Đăng T (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo có vợ là Ngô Thị Sao L (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến ngày 27/01/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Tổng Thị X; Sinh năm 1985; tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tổng Đăng T (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo có chồng là: Vũ Đình K và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến ngày 27/01/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Đinh Văn T1; Sinh năm 1982; tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Q 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Thôn Q 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn T và bà Vũ Thị T; Bị cáo có vợ là: Nguyễn Thị T và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến ngày 27/01/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Võ Hiếu L1; Sinh năm 1983; tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Thôn Q 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Võ Thị Cẩm T; Bị cáo có vợ là: Trần Thị L và có 01 người con, sinh năm 2006; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/7/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2006/HSST), đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến ngày 27/01/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Lê Đình K; Sinh năm 1971; tại: Tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Thôn Q 1, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đình Đ và con bà Nguyễn Thị L; Bị cáo có vợ là: Lê Thị M và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2021 đến ngày 07/01/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Vũ Minh T2; Sinh năm 1985; tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn Q 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông (đang làm bảo vệ tại trường tiểu học L, huyện K); Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Minh O (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị C; Bị cáo có vợ là: Phạm Thị B; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 03/02/2021, bị Công an thị trấn Buôn Trấp xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số 30/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến ngày 27/01/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 29/12/2021, Tống Đình L và Tống Thị X (em gái L) nhắn tin messenger cho nhau hẹn vào nhà Nguyễn Xuân T tại thôn 4, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để đánh bạc. Khoảng 20 giờ cùng ngày, L gọi điện thoại cho T hỏi T có nhà không để L vào đánh bạc thì T trả lời là có. Sau đó, L điều khiển xe mô tô Wave màu vàng đen, biển số 47L1- 179.98 (xe mô tô L mượn của anh Hoàng Trung T) đi đến nhà T, khi đi L mang theo 14.665.000 đồng, trên đường đi L ghé vào quán tạp hóa bên đường mua bài Tú lơ khơ, nước, thuốc lá và bánh phục vụ cho việc đánh bạc. Khi đến nhà T, L đưa cho T 12.000.000 đồng để những người đến tham gia đánh bạc mà có nhu cầu vay tiền thì cho vay phục vụ cho việc đánh bạc, T và L thống nhất quá trình đánh bạc thì L sẽ thu tiền xâu để trả tiền mua nước, thuốc phục vụ cho việc đánh bạc, nếu còn dư L và T chia đôi để hưởng lợi, số tiền còn lại là 2.655.000 đồng L cất trong người. Khoảng 10 phút sau, X điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu xám, biển số 47L1-319.75 (xe của X) đến nhà T chơi. Lúc này, L dùng điện thoại di động lần lượt gọi cho Đình Văn T1, Võ Hiếu L1 và Vũ Minh T2 rủ họ đến nhà T để đánh bạc thì T1, L1 và T2 đồng ý. Lúc này, Lê Đình K đang ở nhà L1 chơi nên L1 rủ K đi đánh bạc cùng thì K đồng ý. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T1 điều khiển xe mô tô Sirius màu đen trắng, biển số 47L1-195.63 (xe T1 mượn của anh Phạm Đình M), còn L1 điều khiển xe mô tô Dream màu nâu, biển số 47N2-0633 (xe L1 mượn của anh Nguyễn Như N) chở K đến nhà T để đánh bạc. Sau đó, T cùng với X, T1, L1 và K đi vào phòng bếp nhà T, ngồi trên chiếu đã trải sẵn trước đó, lấy chăn để sẵn trên ghế trải xuống, sử dụng bài mà L đã mua và bắt đầu tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bài cào liêng thắng, thua bằng tiền. L không tham gia đánh bạc mà ngồi xem và thu tiền xâu, những người chơi đặt cược ban đầu với số tiền 20.000 đồng, tổ từ 20.000 đồng đến 300.000 đồng, ván bạc nào người chơi thắng nhiều tiền thì thu xâu 20.000 đồng trên tổng số tiền thắng. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Vũ Minh T2 đi taxi đến nhà T và cùng tham gia đánh bạc. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, thì lực lượng Công an huyện Krông Ana phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 6.725.000 đồng, 01 cái chiếu, 01 cái chăn, 01 hũ nhựa, 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá phục vụ cho việc đánh bạc; thu giữ trên người của những người tham gia đánh bạc số tiền 24.105.000 đồng.

Quá trình đánh bạc, Tống Thị X mang theo số tiền 3.300.000 đồng sử dụng để đánh bạc, kết quả X đang thua 2.000.000 đồng, bỏ 1.300.000 đồng xuống chiếu bạc; Đinh Văn T1 mang theo 1.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc, kết quả T1 thua 70.000 đồng, còn 930.000 đồng bỏ trong người; Võ Hiếu L1 mang theo số tiền hơn 2.500.000 đồng sử dụng để đánh bạc, kết quả thua, còn lại 2.210.000 đồng bỏ trong người; Lê Đình K mang theo số tiền 2.890.000 đồng sử dụng để đánh bạc, K lấy ra ban đầu 1.000.000 đồng để đánh bạc, kết quả thắng được 1.000.000 đồng và bỏ hết số tiền thắng cùng số tiền lấy ra ban đầu xuống chiếu bạc khi bị bắt, còn trong người 1.890.000 đồng; Vũ Minh T2 mang theo 3.500.000 đồng, trả tiền taxi 80.000 đồng, ban đầu lấy ra số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, kết quả thắng nhưng không xác định bao nhiêu tiền và rút toàn bộ số tiền này tại chiếu bạc khi bị bắt, còn số tiền 2.920.000 đồng T2 bỏ trong người; Nguyễn Xuân T sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, L đưa cho T 12.000.000 đồng để cho những người đánh bạc vay, T lấy ra ban đầu 1.500.000 đồng để đánh bạc, kết quả T thua 500.000 đồng, bỏ 1.000.000 đồng xuống chiếu bạc khi bị bắt, còn 13.500.000 đồng T bỏ trong người; Tống Đình L mang theo 14.655.000 đồng, đưa cho T 12.000.000 đồng, còn lại 2.655.000 đồng L bỏ trong người, L không tham gia đánh bạc mà thu xâu, kết quả thu xâu được khoảng 300.000 đồng đến 500.000 đồng và rút toàn bộ số tiền này xuống chiếu bạc khi bị bắt.

Hình thức đánh bạc như sau: Các đối tượng đánh bạc, thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào liêng. Người chơi sử dụng bộ bài tứ lơ khơ, loại 52 lá bài, chia cho mỗi người chơi 03 lá bài. Theo quy ước, ban đầu mỗi người chơi đặt cược số tiền 50.000 đồng, sau khi chia bài, người chơi có thể lần lượt tố thêm tiền, tố thấp nhất là 20.000 đồng, tố cao nhất là 300.000 đồng nếu không tố theo thì có thể úp bài, bỏ lượt. Sau khi những người chơi tố tiền xong sẽ lật bài để kiểm tra, người nào có bài lớn hơn sẽ thắng toàn bộ số tiền mà những người chơi trước đó đã đặt cược. Thứ tự lớn, bé được quy ước giảm dần như sau: từ 03 lá A, 03 lá K... bộ ba lá A, K, Q; K, Q, J... 3, 2, A, nếu không có các trường hợp trên sẽ cộng tổng số điểm dựa trên các ký tự có trên các lá bài (các lá bài từ 2-9 được tính điểm tương ứng với số trên lá bài, lá A tính 1 điểm, các lá 10, J, Q, K được tính là 0 điểm), ai lớn hơn sẽ thắng. Những người tham gia chơi không đặt tiền trên bàn mà cầm tiền trên tay, sau khi kết thúc ván bạc sẽ tính thắng thua và giao nhận tiền trực tiếp cho nhau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”.

Bị cáo Tống Đình L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Tống Thị X, Đinh Văn T1, Võ Hiếu L1, Lê Đình K và Vũ Minh T2 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 03 năm 06 tháng tù.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Tống Đình L 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Hiếu L1 01 năm tù về tội “Đánh bạc”.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Vũ Minh Thành 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Tống Thị X 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Lê Đình K 01 năm tù về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Đình Văn T1 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2022, bị cáo Vũ Minh T2 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 22/8/2022, bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; các bị cáo Tống Đình L, Tống Thị X, Đình Văn T1 kháng cáo xin được hưởng án treo; các bị cáo Võ Hiếu L1, Lê Đình K kháng cáo xin được áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Tổ chức đánh bạc”, “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 và điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; bị cáo Tống Đình L về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Tống Thị X, Đình Văn T1, Võ Hiếu L1, Lê Đình K, Vũ Minh T2 phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo L 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo X 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” là có phần nghiêm khắc nên cần chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, cụ thể đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; 01 năm tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt chung cho hai tội là 02 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Tống Đình L 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; Xử phạt bị cáo Tống Thị X 01 năm tù.

Đối với mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo T2, K, L1, T1 là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T2, T1, L1, K và giữ nguyên mức hình phạt. Riêng đối với bị cáo L Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 29/12/2021, tại nhà của Nguyễn Xuân T ở thôn 4, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Xuân T và Tống Đình L đã có hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào liêng, thắng thua bằng tiền cho Tống Thị X, Đinh Văn T1, Võ Hiếu L1, Lê Đình K và Vũ Minh T2. Khi Nguyễn Xuân T, Tống Thị X, Đinh Văn T1, Võ Hiếu L1, Lê Đình K và Vũ Minh T2 đang tham gia đánh bạc thì bị Công an huyện Krông Ana bắt quả tang thu giữ số tiền 28.175.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321, điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự, bị cáo Tống Đình L về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Tống Thị X, Đinh Văn T1, Võ Hiếu L1, Lê Đình K và Vũ Minh T2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự xã hội. Do đó, cần phải xét xử và áp dụng mức án thích đáng là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo, mục đích răn đe riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Tống Đình L, Tống Thị X, Đinh Văn T1, Lê Đình K, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo L 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo X 01 năm 03 tháng tù; bị cáo K 01 năm tù; bị cáo T1 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” là thỏa đáng. Tuy nhiên, các bị cáo X, T1, K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo L phạm tội lần đầu, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ; sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với đời sống xã hội mà cho tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo. Do đó, kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo là có căn cứ.

[4] Bị cáo L phạm tội “Tổ chức đánh bạc” là tội nghiêm trọng, nhưng bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là không đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T thì thấy: Tuy phạm nhiều tội nhưng bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, hiện đang nuôi mẹ già bị bại liệt phải có người chăm sóc, được chính quyền địa phương xác nhận, mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T là phù hợp.

[6] Xét kháng cáo của các bị cáo Võ Hiếu L1 và Vũ Minh T2, nhận thấy:

Mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo T2 01 năm 03 tháng tù và bị cáo L1 01 năm tù về tội “Đánh bạc” là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo. Bị cáo L1 là người có nhân thân xấu đã từng bị xét xử bằng bản án và bị cáo T2 đang có tiền sự cũng về hành vi “Đánh bạc” nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bản án sơ thẩm cũng đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, việc cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian là cần thiết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo T, L, X, T1, K được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Còn các bị cáo L1, T2 không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân T, Tống Đình L, Tống Thị X, Đinh Văn T1, Lê Đình K, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Hiếu L1 và Vũ Minh T2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[1]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến ngày 27/01/2022.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Minh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến ngày 27/01/2022.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Hiếu L1 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến ngày 27/01/2022.

1.4. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tống Đình L 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tống Thị X 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đình K 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Tống Đình L, Tống Thị X, Đinh Văn T1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giao bị cáo Lê Đình K cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[2]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Tống Đình L, Tống Thị X, Đinh Văn T1, Lê Đình K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc các bị cáo Võ Hiếu L1 và Vũ Minh T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Ana;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Công an huyện Krông Ana;
- Chi cục T.H.A DS huyện K;
- UBND TT B, xã D;
-
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Hữu